

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 07 - 6 - 2018.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

giữa chị N và anh P.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
- Ông **Phạm Đức Minh**
- Bà **Lê Thị Sáu**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày **07** tháng 6 năm **2018** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 231/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** **Chị Phạm Thị Kim N** sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bí đơn:** Anh **Nguyễn Văn P** sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Chi N có mặt tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ hai)

NỘI N VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử,
nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị N trình bày: Chị và anh P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 04/7/2006, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Chị N cho rằng quá trình chung sống vợ chồng P sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh P thường xuyên bỏ nhà đi mà không chịu làm ăn, chăm lo cho vợ con và gia đình. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được hạnh phúc. Chị N cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay, không ai quan tâm đến ai nên chị N cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Anh P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền Diệu C1, sinh ngày 15/5/2007 và cháu Nguyễn Bảo C2, sinh ngày 12/12/2009. Do 02 con chung hiện nay đang ở với chị N nên khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung đến đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã P biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và P biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N; xử cho chị N được ly hôn với anh P;

- Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền Diệu C1, sinh ngày 15/5/2007 và cháu Nguyễn Bảo C2, sinh ngày 12/12/2009 cho chị N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đề cập đến.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng**: Chị Phạm Thị Kim N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với anh Nguyễn Văn P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn P là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* **Về nội dung**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 04/7/2006, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị N cho rằng quá trình chung sống vợ chồng P sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh P thường xuyên bỏ nhà đi mà không chịu làm ăn, chăm lo cho vợ con và gia đình. Chị N cho rằng hiện nay mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân 03 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng, không còn tình cảm với nhau và vợ chồng đã ly thân. Còn anh P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc nhưng cố tình vắng mặt, càng chứng tỏ anh P không có nguyện vọng muốn được trở về đoàn tụ với chị N để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tòa án cũng đã xác minh hàng xóm của chị N, anh P về tình trạng hôn nhân thì đều xác nhận tình trạng hôn nhân như chị N trình bày là đúng. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; xử cho chị N được ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: Chị N trình bày vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền Diệu C1, sinh ngày 15/5/2007 và cháu Nguyễn Bảo C2, sinh ngày 12/12/2009. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay 02 con chung đều còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với chị N. Anh P sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc con chung. Còn chị N cho rằng mình có đầy đủ điều kiện về kinh tế thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sinh sống và ăn học một cách đầy đủ nhất nên để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của các cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N không yêu cầu nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí*: Buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim N đối với anh Nguyễn Văn P về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Phạm Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2/ Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền Diệu C1, sinh ngày 15/5/2007 và cháu Nguyễn Bảo C2, sinh ngày 12/12/2009 cho chị Phạm Thị Kim N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004978 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Phạm Thị Kim N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

